

CÔNG TY CPCN HÀ LÔ

Số: 06/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, Ngày 27 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Công nghệ Hà Lô thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HÀ LÔ

- Mã chứng khoán: HLO
- Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0274.7301718 Fax: 02743.639738
- Email: fnc@halo.net.vn. Website: //www.halo.net.vn/

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27/03/2025 tại đường dẫn: <https://www.halo.net.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:
- BCTC năm 2024

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



KỶ MINH DU

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 37

70
C
C
C
V U

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lin Fu Lung	Chủ tịch
Ông Kỳ Minh Du	Thành viên điều hành
Bà Hà Lệ Phương	Thành viên điều hành
Bà Tôn Nữ Bảo Vy	Thành viên không điều hành
Bà Tsai, Ya-Hui	Thành viên không điều hành (miễn nhiệm ngày 11/01/2024)
Ông Lee, Chien-Ta	Thành viên không điều hành
Ông Nguyễn Thành Lanh	Thành viên không điều hành
Bà Chi Tsui Ling	Thành viên không điều hành
Ông Chao Leng Tso	Thành viên không điều hành
Ông Chi, Wei-Shiu	Thành viên không điều hành

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Lan Anh	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Phương Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Em	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Kỳ Minh Du	Tổng Giám đốc
Bà Hà Lệ Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chang Chia Lin	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh
Ông Zhang Jian Jun	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Kỳ Minh Du
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Số: 178/2025/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Xuân Cảnh
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0067-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Đức Minh Tú
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
5423-2025-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115.424.527.108	103.750.030.369
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	25.792.400.876	29.123.429.776
1. Tiền	111		8.792.400.876	5.123.429.776
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	24.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	24.000.000.000	15.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.000.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.099.376.597	16.092.094.043
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	16.719.607.480	12.953.371.373
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	3.273.700.046	2.883.950.389
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	509.993.315	463.611.781
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.403.924.244)	(208.839.500)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	44.760.080.292	42.192.275.919
1. Hàng tồn kho	141		45.574.928.923	43.227.194.520
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(814.848.631)	(1.034.918.601)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.772.669.343	1.342.230.631
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	168.279.901	84.178.785
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.604.389.442	1.258.051.846
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.500.449.234	46.017.585.801
I. Tài sản cố định	220		31.135.359.267	31.902.719.506
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	30.744.562.681	31.542.179.587
Nguyên giá	222		49.823.579.436	47.522.866.803
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.079.016.755)	(15.980.687.216)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	390.796.586	360.539.919
Nguyên giá	228		686.050.000	558.050.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(295.253.414)	(197.510.081)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	14.904.120.098	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.659.400.000	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.755.279.902)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		13.460.969.869	14.114.866.295
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	13.460.969.869	14.114.866.295
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		174.924.976.342	149.767.616.170

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01- DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		34.201.771.151	17.662.894.278
I. Nợ ngắn hạn	310		33.979.090.689	17.203.519.278
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	15.006.293.716	10.981.288.769
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	11.080.362.263	631.612.007
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	2.263.033.102	1.042.311.708
4. Phải trả người lao động	314		2.767.701.746	2.226.528.819
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	698.102.153	289.525.841
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		120.021.451	13.255.436
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		24.680.000	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.15	2.018.896.258	2.018.996.698
II. Nợ dài hạn	330		222.680.462	459.375.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.15	222.680.462	459.375.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.723.205.191	132.104.721.892
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	140.723.205.191	132.104.721.892
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.000.000.000	4.000.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.723.205.191	48.104.721.892
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		48.104.721.892	42.674.110.233
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.618.483.299	5.430.611.659
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		174.924.976.342	149.767.616.170



Phê duyệt

Người lập

Kỳ Minh Du
Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 19 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	109.478.582.895	100.808.640.050
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		26.712.000	238.188.670
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		109.451.870.895	100.570.451.380
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	82.661.474.325	83.988.433.310
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.790.396.570	16.582.018.070
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.182.668.264	1.913.146.884
7. Chi phí tài chính	22	5.4	3.990.977.791	111.418.599
Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	108.615
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	7.724.200.843	7.271.402.127
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	7.353.485.839	5.441.481.285
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.904.400.361	5.670.862.943
11. Thu nhập khác	31	5.7	2.077.571.913	810.691.527
12. Chi phí khác	32		48.224.538	24.401.540
13. Lợi nhuận khác	40		2.029.347.375	786.289.987
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.933.747.736	6.457.152.930
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	2.210.586.502	1.026.541.271
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.723.161.234	5.430.611.659
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4	1.077	679
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.5	1.077	679



Phê duyệt

Người lập

Ký Minh Dữ
Tổng Giám đốcLê Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 19 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.933.747.736	6.457.152.930
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	3.196.072.872	3.213.213.073
Các khoản dự phòng	03		4.493.499.698	(2.115.635.490)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		161.544.805	83.362.904
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.076.007.578)	(1.795.840.889)
Chi phí lãi vay	06		-	108.615
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		17.708.857.533	5.842.361.143
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.553.847.360)	6.075.579.106
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.451.434.613)	23.419.104.118
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.245.576.255	(19.186.967.119)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		569.795.310	120.876.220
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(108.615)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(1.026.541.271)	(4.500.307.482)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.492.405.854	11.770.537.371
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(279.368.062)	(1.275.337.357)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(9.000.000.000)	(28.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	16.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.659.400.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.081.150.044	1.410.619.670
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.857.618.018)	(11.764.717.687)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	147.421.677	4.968.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(122.741.677)	(4.968.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24.680.000	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(3.340.532.164)	5.819.684
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.123.429.776	29.116.224.414
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.503.264	1.385.678
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	25.792.400.876	29.123.429.776



Phê duyệt

Người lập

Kỳ Minh Du
Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 19 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702308640 ngày 16 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 4 năm 2023 để cập nhật lại thông tin địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 80.000.000.000 VND.

Công ty chính thức được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 635/QĐ-SGDHN ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 24 tháng 6 năm 2024, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch cổ phiếu trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HLO, theo Thông báo số 2900/TB-SGDHN ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 84 (31/12/2023: 75).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ xây lắp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn hóa chất, xử lý bề mặt kim loại, nguyên liệu nhựa công nghiệp, máy móc thiết bị xi mạ, phụ tùng máy móc thiết bị, phụ kiện ngành công nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic, sản xuất - chế tạo máy móc, thiết bị ngành công nghệ, hệ thống lọc nước, hệ thống khí thải, hệ thống xử lý nước thải;
- Tư vấn và quản lý kỹ thuật xi mạ, chuyển giao công nghệ kỹ thuật xi mạ;
- Sản xuất các sản phẩm móc treo bằng sắt, thép, đồng, inox và kim loại; và
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Công ty CP Công nghiệp Tinh Công	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	Lô 7, Đường số 2, KCN Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	20%	0%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm
▪ Cây lâu năm	08 năm
▪ Tài sản cố định khác	06 – 25 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 – 05 năm.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí lãi vay.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, chi phí công tác; khấu hao TSCĐ; chi phí hoa hồng bán hàng; bảo hành sản phẩm, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác...

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hàng hóa hóa chất: 10%;
- Dịch vụ sửa chữa: 8%, 10%;
- Thành phẩm: 8%, 10%.

Riêng năm 2024, theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

3.24. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	164.849.140	78.322.351
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.627.551.736	5.045.107.425
Các khoản tương đương tiền (*)	17.000.000.000	24.000.000.000
Cộng	25.792.400.876	29.123.429.776

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 4,2% đến 4,6%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng được chi tiết như sau :

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương:

Giá trị: 7.000.000.000 VND
Thời gian: Từ 31/07/2024 – 31/01/2025
Kỳ hạn: 06 tháng
Lãi suất: 4,1%/năm

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

Giá trị: 5.000.000.000 VND
Thời gian: Từ 29/08/2024 – 28/02/2025
Kỳ hạn: 06 tháng
Lãi suất: 4,9%

Giá trị: 2.000.000.000 VND
Thời gian: Từ 15/10/2024 – 15/04/2025
Kỳ hạn: 06 tháng
Lãi suất: 4,7%

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương:

Giá trị: 10.000.000.000 VND
Thời gian: Từ 05/07/2024 – 05/01/2025
Kỳ hạn: 06 tháng
Lãi suất: 3,9%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỖ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND			VND	
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty CP Công nghiệp Tinh Công	18.659.400.000	(*)	(3.755.279.902)	-	-	-

Đầu tư vào công ty liên kết là khoản đầu tư chiếm 20% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2024
	VND
Số đầu năm	-
Trích lập trong năm	(3.755.279.902)
Hoàn nhập trong năm	-
Số cuối năm	(3.755.279.902)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	2.086.462.135	1.451.424.320
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Quốc tế All Glory	4.286.905.725	4.354.074.598
Công ty TNHH Quốc tế A-Stainless (Vietnam)	2.755.103.400	-
Công ty Cổ phần CX Technology (VN)	2.106.241.000	-
Các khách hàng khác (*)	5.484.895.220	7.147.872.455
Cộng	16.719.607.480	12.953.371.373

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	2.744.280.000	2.744.280.000
Các nhà cung cấp khác (*)	529.420.046	139.670.389
Cộng	3.273.700.046	2.883.950.389

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Phải thu khác ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi tiền gửi dự thu	443.849.315	-	448.991.781	-
Tạm ứng	66.144.000	-	14.620.000	-
Cộng	509.993.315	-	463.611.781	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

4.6. Nợ xấu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.470.995.225	3.067.070.981	218.839.500	10.000.000
Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu quá hạn là thấp vì các công nợ đã quá hạn từ trên 6 tháng mà Công ty vẫn chưa thu được nợ.				
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		Thời gian quá hạn		Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Quốc tế All Glory	4.286.905.725	3.007.395.981	-	-
Công ty TNHH Sản xuất TM Ngũ Kim Thanh Phong	85.250.000	59.675.000	-	-
Công ty TNHH J.C.L Manufacturing Inc.	98.839.500	-	218.839.500	Từ trên 02 đến 03 năm
Cộng	4.470.995.225	3.067.070.981	218.839.500	10.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.358.596.859	(702.365.899)	24.584.826.031	(702.876.735)
Công cụ, dụng cụ	1.059.659.678	(15.103.258)	827.423.659	(2.953.627)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.902.241.470	-	14.958.312.466	(256.694.078)
Thành phẩm	5.001.198.037	(87.247.377)	2.459.961.881	(72.394.161)
Hàng hóa	253.232.879	(10.132.097)	396.670.483	-
Cộng	45.574.928.923	(814.848.631)	43.227.194.520	(1.034.918.601)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 814.848.631 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	28.467.162	23.132.299
Chi phí mua bảo hiểm	50.776.106	47.606.478
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	89.036.633	13.440.008
Cộng	168.279.901	84.178.785
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất	12.877.162.056	13.187.549.388
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	329.761.043	551.428.385
Bản quyền phần mềm	254.046.770	375.888.522
Cộng	13.460.969.869	14.114.866.295

*(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2024	19.469.432.832	17.177.963.329	6.364.688.279	919.156.000	1.100.000.000	2.491.626.363	47.522.866.803
Mua trong năm	-	2.100.812.423	-	62.200.000	-	34.000.000	2.197.012.423
Đầu tư XD CB hoàn thành	46.847.399	-	-	-	-	56.852.811	103.700.210
Tại ngày 31/12/2024	19.516.280.231	19.278.775.752	6.364.688.279	981.356.000	1.100.000.000	2.582.479.174	49.823.579.436
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2024	3.819.015.288	7.372.203.475	2.056.322.785	608.400.891	973.958.305	1.150.786.472	15.980.687.216
Khấu hao trong năm	567.205.449	1.452.192.926	606.226.752	86.219.999	126.041.695	260.442.718	3.098.329.539
Tại ngày 31/12/2024	4.386.220.737	8.824.396.401	2.662.549.537	694.620.890	1.100.000.000	1.411.229.190	19.079.016.755
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2024	15.650.417.544	9.805.759.854	4.308.365.494	310.755.109	126.041.695	1.340.839.891	31.542.179.587
Tại ngày 31/12/2024	15.130.059.494	10.454.379.351	3.702.138.742	286.735.110	-	1.171.249.984	30.744.562.681

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.898.122.453 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm quản lý VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2024	558.050.000
Mua trong năm	128.000.000
Tại ngày 31/12/2024	686.050.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2024	197.510.081
Khấu hao trong năm	97.743.333
Tại ngày 31/12/2024	295.253.414
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2024	360.539.919
Tại ngày 31/12/2024	390.796.586

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 80.000.000 VND.

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	4.135.551.694	4.135.551.694	3.090.523.950	3.090.523.950
Phải trả cho người bán:				
Easy Good Limited	7.303.071.905	7.303.071.905	5.487.900.477	5.487.900.477
Lucky Twins Limited	1.888.898.557	1.888.898.557	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	1.678.771.560	1.678.771.560	2.402.864.342	2.402.864.342
Cộng	15.006.293.716	15.006.293.716	10.981.288.769	10.981.288.769

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Người mua trả trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	53.500.000
Người mua trả tiền trước:		
Công ty TNHH Fastrong Technologies Việt Nam	5.490.000.000	-
Công ty TNHH A - Plus	1.965.589.000	-
Công ty Cổ phần CX Technology (VN)	2.520.000.000	60.643.420
Các khách hàng khác	1.104.773.263	517.468.587
Cộng	11.080.362.263	631.612.007

4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2024 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Thuế GTGT	-	1.508.228.840	1.508.228.840	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	93.476.139	93.476.139	-
Thuế TNDN	2.210.586.502	2.210.586.502	1.026.541.271	1.026.541.271
Thuế thu nhập cá nhân	48.029.425	380.209.867	347.950.879	15.770.437
Các khoản thuế, lệ phí khác	4.417.175	28.107.495	23.690.320	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.263.033.102	4.220.608.843	2.999.887.449	1.042.311.708

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	515.892.510	191.341.391
Chi phí phải trả khác	182.209.643	98.184.450
Cộng	698.102.153	289.525.841

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Dự phòng phải trả**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	2.018.896.258	2.018.996.698
Dài hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	222.680.462	459.375.000

4.16. Vốn chủ sở hữu**4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	80.000.000.000	4.000.000.000	42.674.110.233	126.674.110.233
Lãi trong năm trước	-	-	5.430.611.659	5.430.611.659
Tại ngày 01/01/2024	80.000.000.000	4.000.000.000	48.104.721.892	132.104.721.892
Lãi trong năm nay	-	-	8.723.161.234	8.723.161.234
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(104.677.935)	(104.677.935)
Tại ngày 31/12/2024	80.000.000.000	4.000.000.000	56.723.205.191	140.723.205.191

4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Kỳ Minh Du	35.691.900.000	44,61%	35.671.900.000	44,59%
Bà Tsai Ya Hui	10.000.000.000	12,50%	10.000.000.000	12,50%
Bà Tôn Nữ Bảo Vy	7.981.000.000	9,98%	8.000.000.000	10,00%
Just Successful Inc	8.000.000.000	10,00%	8.000.000.000	10,00%
Ông Chi Wei Shiu	6.195.000.000	7,74%	6.200.000.000	7,75%
Ông Chao Leng Tso	4.000.000.000	5,00%	4.000.000.000	5,00%
Cổ đông khác	8.132.100.000	10,17%	8.128.100.000	10,16%
Cộng	80.000.000.000	100%	80.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	8.723.161.234	5.430.611.659
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(104.677.935)	-
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.618.483.299	5.430.611.659
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.077	679

4.16.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	8.723.161.234	5.430.611.659
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(104.677.935)	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.618.483.299	5.430.611.659
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.000.000	8.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.077	679

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Ngoại tệ: USD	45.194,81	11.011,63

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	48.919.647.933	44.044.242.800
Doanh thu lắp đặt hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm	50.428.377.958	49.689.859.549
Doanh thu bán thành phẩm	10.130.557.004	7.074.537.701
Cộng	109.478.582.895	100.808.640.050
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	20.314.433.950	11.968.279.000

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.524.480.982	35.020.975.817
Giá vốn lắp đặt hệ thống và thiết bị đi kèm	36.037.037.476	45.459.677.102
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.301.129.579	4.623.989.974
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(220.069.970)	(1.116.209.583)
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	2.018.896.258	-
Cộng	82.661.474.325	83.988.433.310

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.076.007.578	1.788.137.478
Lãi chênh lệch tỷ giá	106.660.686	125.009.406
Cộng	1.182.668.264	1.913.146.884

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	3.755.279.902	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	74.153.084	27.947.080
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	161.544.805	83.362.904
Lãi tiền vay	-	108.615
Cộng	3.990.977.791	111.418.599

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.334.697.279	3.206.930.369
Chi phí vật liệu, bao bì	128.445.390	135.211.896
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.465.047	22.268.046
Chi phí khấu hao TSCĐ	559.415.521	501.090.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.601.494.060	3.077.133.160
Chi phí bằng tiền khác	87.683.546	328.767.664
Cộng	7.724.200.843	7.271.402.127

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.507.536.262	2.900.316.856
Chi phí vật liệu quản lý	20.908.822	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	334.323.737	337.061.053
Chi phí khấu hao TSCĐ	442.046.779	380.280.893
Thuế, phí và lệ phí	28.382.877	42.321.745
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.195.084.744	33.586.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.762.978.512	1.557.382.601
Chi phí bằng tiền khác	62.224.106	190.531.337
Cộng	7.353.485.839	5.441.481.285

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Thu nhập khác**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền lãi trả chậm	114.208.710	-
Thu nhập bảo hành	1.923.338.114	711.108.048
Thu nhập khác	40.025.089	99.583.479
Cộng	2.077.571.913	810.691.527

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí hàng thương mại	38.488.793.285	35.020.235.685
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.139.735.202	15.714.160.067
Chi phí nhân công	18.503.910.778	15.653.246.263
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.196.072.872	3.213.213.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.245.246.452	5.763.698.156
Chi phí khác bằng tiền	4.650.567.578	466.226.760
Cộng	97.224.326.167	75.830.780.004

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	10.933.747.736	6.457.152.930
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	128.688.039	61.172.882
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(9.503.264)	(1.385.619.458)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	11.052.932.511	5.132.706.354
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm	2.210.586.502	1.026.541.271

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN như lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, các chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ...

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	147.421.677	4.968.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(122.741.677)	(4.968.000)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, lắp đặt thiết bị dây chuyền xi mạ và kinh doanh hóa chất xử lý bề mặt kim loại. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Ông Kỷ Minh Du	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT, cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
4. Công ty TNHH SX Thương mại Minh Chất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
5. Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
6. Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
7. Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
8. Công ty TNHH Triệu Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
9. Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
10. Công ty TNHH Hưng Nhất	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
11. Công ty TNHH Haola	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
12. Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
13. Công ty TNHH S-Chem	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
14. Công ty TNHH Hóa chất Nam Phương	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
15. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc; Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	-	2.391.640
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Chất	593.382.320	185.858.000
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	14.171.760	-
Công ty TNHH Hưng Nhất	675.352.535	1.260.974.680
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	803.555.520	-
Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt	-	2.200.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	2.086.462.135	1.451.424.320
Trả trước cho người bán:		
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	1.524.600.000	1.524.600.000
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	1.219.680.000	1.219.680.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.4	2.744.280.000	2.744.280.000
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả thương mại:		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	(4.102.991.694)	(3.081.257.550)
Công ty TNHH Triệu Nhất	(32.560.000)	-
Công ty TNHH Hưng Nhất	-	(9.266.400)
Cộng - Xem thêm Mục 4.11	(4.135.551.694)	(3.090.523.950)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất	85.730.000	43.972.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Chất	1.817.051.000	5.328.121.000
Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	224.606.000	15.000.000
Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội	226.775.000	282.168.000
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất	104.923.000	580.066.000
Công ty TNHH Triệu Nhất	-	1.728.000
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	1.850.000	-
Công ty TNHH Hưng Nhất	3.123.423.250	5.717.224.000
Công ty TNHH Haola	610.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	14.595.565.700	-
Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt	6.000.000	-
Công ty TNHH S-Chem	1.900.000	-
Công ty TNHH Hóa chất Nam Phương	126.000.000	-
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	20.314.433.950	11.968.279.000
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu tiền lãi chậm thanh toán:		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công	114.208.710	-
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng và dịch vụ:		
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Việt Nhất	36.209.728.670	33.804.440.144
Công ty TNHH Triệu Nhất	64.440.000	12.920.000
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	-	541.330.390
Công ty TNHH Hưng Nhất	123.590.000	33.925.000
Cộng	36.397.758.670	34.392.615.534

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thu nhập, thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2024 VND</u>	<u>Năm 2023 VND</u>
Kỷ Minh Du	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	663.692.000	645.000.000
Chi Wei Shiu	Thành viên HĐQT	194.357.847	313.965.565
Nguyễn Thành Lanh	Thành viên HĐQT	736.065.290	653.867.693
Chang Chia Lin	Phó Tổng giám đốc	533.450.000	466.930.000
Zhang Jian Jun	Phó Tổng giám đốc	533.022.222	446.549.667
Cộng		2.660.587.359	2.526.312.925

Trong năm 2024, Công ty không chi trả thù lao cho Ban kiểm soát.

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có kỳ hạn đến ngày 06/5/2066, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Năm 2024 VND</u>	<u>Năm 2023 VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	310.387.332	310.387.332

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất
 - + Rủi ro tiền tệ
 - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LỒ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.792.400.876	29.123.429.776
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.229.600.795	13.416.983.154
Đầu tư ngắn hạn	24.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	67.022.001.671	57.540.412.930
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	24.680.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	15.021.637.232	10.994.544.205
Chi phí phải trả	698.102.153	289.525.841
Cộng	15.744.419.385	11.284.070.046

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền và tương đương tiền	25.792.400.876	29.123.429.776
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.229.600.795	13.416.983.154
Cộng	43.022.001.671	42.540.412.930

Công ty không nắm giữ các thể chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Mục 4.6 cung cấp những phân tích về dự phòng phải thu khó đòi.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	24.680.000	15.719.739.385	15.744.419.385
Tại ngày 31/12/2024	24.680.000	15.719.739.385	15.744.419.385
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	-	11.284.070.046	11.284.070.046
Tại ngày 01/01/2024	-	11.284.070.046	11.284.070.046

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

12. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Công ty đang sử dụng một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất làm tài sản đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty nhằm tăng hạn mức tín dụng theo hợp đồng vay đã ký kết với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa thực hiện giải ngân bất kỳ khoản vay nào.



Phê duyệt

Người lập

Kỷ Minh Du
Tổng Giám đốc

Lê Thị Hồng Thắm
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 19 tháng 03 năm 2025